

Tọa đàm khoa học quốc tế: TÔN GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY

PHẠM THU TRANG^(*)
tổng thuật

Ba thập kỷ gần đây, ở Việt Nam và nhiều quốc gia khác, các sinh hoạt tôn giáo có xu hướng sôi động hơn. Để tiếp cận đời sống tôn giáo ở nước ta hiện nay trong sự so sánh với các quốc gia trên thế giới, góp phần nhận diện mối quan hệ giữa truyền thống và hiện tại trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam, vừa qua, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội phối hợp với Viện Nghiên cứu Tôn giáo AACHEN đã tổ chức Tọa đàm khoa học quốc tế với chủ đề: “Tôn giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay”.

Tọa đàm đã nhận được hơn 20 báo cáo tham luận. Với 4 phiên thảo luận, Tọa đàm tập trung vào 4 chủ đề lớn: tôn giáo và xã hội Việt Nam hiện nay; các hướng tiếp cận lý thuyết; tôn giáo với kinh tế và văn hoá; tôn giáo và cá nhân; đời sống tôn giáo và xã hội. Dưới đây là một số nội dung được trình bày và thảo luận tại Tọa đàm này.

1. Vai trò của tôn giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay

Tôn giáo Việt Nam, trong những năm gần đây, có sự phục hồi, chấn hưng và có chiều hướng phát triển. Đó không phải chỉ là sự trở về với tôn giáo truyền thống, xu hướng dân tộc hoá, mà còn là sự đổi mới, cách tân tôn giáo hoặc thay thế bằng những giáo phái mới mang tính thế tục.

Theo các nhà nghiên cứu, sự gia tăng và những biến đổi có tính chất phức tạp của đời sống tôn giáo ở Việt Nam bắt nguồn từ một số nguyên nhân như: cuộc sống đầy đủ, tiện nghi hơn về vật chất khiến người dân có điều kiện nhiều hơn để chăm lo đến đời sống tinh thần, những mặt trái của kinh tế thị

trường gây ra những rủi ro, mất mát, thua lỗ, thất nghiệp và nhiều hiện tượng bí ẩn của khoa học chưa thể lý giải, nhiều căn bệnh hiểm nghèo mà y học hiện đại không cứu chữa được, bên cạnh đó là những vấn nạn về sự lạm dụng của guồng máy công nghiệp, sự suy thoái môi trường tự nhiên, những bất an trong xã hội lan rộng... tiếp tục gây ra nhiều lo ngại và gọi lên nhu cầu cứu rỗi. Vì vậy, người ta tìm đến tôn giáo, tín ngưỡng để mong có sự bù đắp, cứu cánh, an ủi cho những bất lực, lệ thuộc và hạn chế của mình trước hiện thực. Mặt khác, nhiều trường hợp lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo với mục đích

^(*) ThS., Viện Thông tin KHXH.

chính trị, nhiều hiện tượng mê tín dị đoan, biến thái mang màu sắc tôn giáo... khiến cho đời sống tín ngưỡng, tôn giáo có những biến đổi khó lường.

Bên cạnh những nguyên nhân trên thì sự trở lại và phát triển của các tôn giáo ở Việt Nam còn xuất phát từ phía chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác tôn giáo ngày càng cởi mở hơn, được nâng cao, hoàn chỉnh và phát triển hơn. Điều này thể hiện rõ nét trong Nghị quyết số 25-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo. Nghị quyết này không những nhìn nhận tôn giáo là “nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân” mà còn khẳng định rằng “tôn giáo đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”.

Nhấn mạnh chính sách này về tôn giáo, khẳng định vai trò và sự tồn tại lâu dài của nó, Linh mục Thiện Cẩm đã so sánh sự tồn tại của tôn giáo trong xã hội cần thiết như không gian và không khí. Bởi vì, chúng ta không chỉ giải quyết những vấn đề của con người từ phương diện kinh tế, mà còn cần đến những giá trị tinh thần. Tôn giáo chính là cái *không gian tinh thần* mà con người đang cần đến và như hơi thở cần thiết cho sự sống của con người và vạn vật. Vì thế, chúng ta phải nhận định tôn giáo trên bình diện ý thức hệ và lý luận mới thấy được ý nghĩa và sự cần thiết của tôn giáo hơn là chỉ đánh giá tôn giáo về những đóng góp cụ thể cho đời sống chính trị, văn hóa và xã hội [1].

Những đóng góp cần thiết cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ tổ quốc ở nước ta trong giai đoạn hiện nay được tôn giáo thể hiện trong những lĩnh

vực như giáo dục, y tế và xã hội [1]. Mặc dù luật pháp hiện hành vẫn chưa cho phép các tôn giáo tham gia vào chương trình y tế, giáo dục và một số chương trình xã hội khác một cách độc lập và không bị giới hạn, nhưng trước thực trạng của công tác giáo dục, y tế và xã hội hiện nay, theo nhiều ý kiến, nếu các tôn giáo được động viên để góp phần đổi mới và chấn hưng đạo đức xã hội, thì có lẽ tình trạng sẽ tốt đẹp hơn.

2. Tôn giáo với văn hóa Việt Nam

Tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những yếu tố quan trọng làm nên bản sắc văn hóa dân tộc. Các tôn giáo, dù là nội sinh hay ngoại sinh đều có những đóng góp nhất định đối với sự hình thành văn hóa Việt.

Trong số các tôn giáo lớn đang tồn tại ở Việt Nam, Phật giáo có lịch sử phát triển lâu đời nhất, văn hóa Phật giáo đã trở thành một bộ phận của văn hóa dân tộc. Số lượng tín đồ theo đạo Phật cũng chiếm tỷ lệ cao nhất (khoảng hơn 10 triệu người); số lượng chùa chiền, cơ sở thờ tự và sinh hoạt của tôn giáo này được tu bổ, được xây dựng mới ngày càng nhiều và có ở mọi vùng, mọi miền. Tư tưởng Phật giáo đã ăn sâu trong tâm thức, ý thức của nhiều người Việt; của chùa là nơi mà nhiều người tìm đến để giải tỏa, giải thoát những buồn phiền, bất lực, gian khổ trong cuộc sống, cuộc đời. Với nhiều người Việt Nam, Phật giáo nói chung, tư tưởng, đạo đức, triết lý nhân sinh, từ bi hỷ xả, cứu khổ cứu nạn, thuyết nhân quả,... của Phật giáo nói riêng luôn ăn sâu trong ý thức, trong đời sống nhân xử thế, trong nỗi niềm của họ, chi phối nhiều hành vi, suy nghĩ, v.v... Phật giáo đang và sẽ là nhân tố quan trọng nhất góp

phần đáng kể vào việc hình thành và hoàn thiện đạo đức con người, đạo đức xã hội, trong việc khắc phục nhiều tệ nạn xã hội, sự bất công, bất bình đẳng (đường như ngày càng gia tăng) trong xã hội ta hiện nay. Phật giáo, tư tưởng Phật giáo góp phần nhất định trong việc giáo dục ý thức và trách nhiệm công dân, ý thức tôn trọng pháp luật và nhiều quy tắc, luật lệ chung của cộng đồng, của xã hội trong mỗi người. Nó còn góp phần vào việc hạn chế, khắc phục nhiều ảnh hưởng và tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường, của sự phát triển khoa học và nhiều hạn chế, hệ lụy khác của xã hội hiện đại. Vì thế, tác giả Nguyễn Thanh Bình và Nguyễn Việt Thắng trong tham luận *Phật giáo Việt Nam trong lịch sử và hiện nay - một góc nhìn đã khẳng định*, Phật giáo là một trong những nhân tố góp phần vào việc kiến tạo một xã hội hiện đại và phát triển hài hòa, bền vững.

Sau Phật giáo, Công giáo là tôn giáo lớn thứ hai ở nước ta hiện nay với số lượng khoảng 6,3 triệu tín đồ. Công giáo có nhiều đóng góp với văn hóa Việt như là một chiếc cầu nối văn hóa Đông - Tây, góp phần hình thành nên chữ quốc ngữ cũng như làm phong phú văn hóa Việt qua lễ hội, văn học nghệ thuật, báo chí Công giáo... Đồng thời, trong quá trình du nhập và phát triển tại Việt Nam, chính văn hóa Việt cũng góp phần làm biến đổi tôn giáo này từ một tôn giáo xa lạ mang dấu ấn phương Tây trở nên gần gũi với cộng đồng, với dân tộc. Mặt khác, hiện nay, Công giáo xây dựng con đường đồng hành cùng dân tộc, cổ vũ cho những nhà hoạt động yêu nước, dấn thân vì cộng đồng, cùng chia sẻ những cơ hội và thách thức của đất nước

khi Việt Nam hội nhập với thế giới. Vì xác tín đồng hành cùng dân tộc nên nhiều vấn đề bức xúc của xã hội đã được giáo hội hướng dẫn thực hiện như: vấn đề học hành ở vùng giáo, ngăn chặn các tệ nạn như cờ bạc, ma túy, kêu gọi giáo dân tham gia bầu cử, chấp hành luật giao thông hay quyên góp ủng hộ các nạn nhân bị thiên tai, v.v... Nhằm góp phần hạn chế những mặt trái của nền kinh tế thị trường như đạo đức bị xói mòn, tệ nạn xã hội gia tăng, giáo hội Công giáo đã chủ động đẩy mạnh hoạt động từ thiện, bác ái, tổ chức nhiều lớp học tình thương, phòng khám bệnh miễn phí, xây dựng những nhà chăm sóc trẻ em lang thang và người già cô đơn... Dù thế giới quan khác nhau, nhưng Nhà nước và Giáo hội cùng tìm lý tưởng xây dựng một nước Việt Nam phát triển, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, con người hạnh phúc. Điều mà ngày nay trong quá trình thế tục hóa, các tôn giáo không thể đứng ngoài cuộc. Nhưng để thực hiện lý tưởng đó, đòi hỏi giữa Công giáo và người không Công giáo phải có những điểm chung. “Sống Phúc Âm giữa lòng Dân tộc”, “có bốn phận yêu mến và xây dựng quê hương” là điểm đến mà Công giáo cũng như Nhà nước đều tập trung phấn đấu hết mình cho mục đích đó nhằm đoàn kết, hòa hợp tôn giáo với dân tộc [5].

Bên cạnh việc tập trung đề cập đến những đóng góp của các tôn giáo lớn với văn hóa Việt Nam, các tham luận trong Tọa đàm còn đề cập đến các loại hình tín ngưỡng như tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng phồn thực với các giá trị nhân văn, truyền thống tốt đẹp của nó tạo nên tính đa dạng trong đời sống văn hóa của người Việt.

Tôn giáo không phải là tất cả các giá trị văn hóa của một tộc người ngay cả khi tôn giáo đó là quốc giáo. Sự đa dạng trong văn hóa Việt Nam còn được hình thành bởi văn hóa của các tộc người thiểu số sống trên đất nước Việt Nam. Các đại biểu khẳng định, bức tranh đời sống tín ngưỡng, tôn giáo trong các tộc người ở nước ta hiện nay hết sức đa dạng.

GS. TS. Ngô Văn Lệ trong tham luận *Về một số đặc trưng tín ngưỡng tôn giáo và cư dân Nam bộ* đã nhấn mạnh, Nam bộ được xem là một trong những khu vực đa dạng về tộc người, đa dạng về tín ngưỡng tôn giáo nhất so với các khu vực khác của nước ta. Trong đó, tín ngưỡng tôn giáo được xem là khá đặc thù với nhiều loại hình mang tính cách của nhiều cư dân trộn lẫn vào nhau và mang đậm nét tính cách của vùng văn hóa - lịch sử. Tín ngưỡng tôn giáo ở Nam bộ gồm tín ngưỡng tôn giáo của các cư dân bản địa, của các cư dân di cư... nên rất phong phú, đa dạng. Tín ngưỡng tôn giáo của cư dân Nam bộ mang những đặc trưng tiêu biểu như đặc trưng mang tính vùng được biểu hiện qua các yếu tố: đa thần, khu vực, tính hỗn dung và tính nhập thế; và đặc trưng mang tính tộc người được biểu hiện qua việc bảo lưu giá trị truyền thống và tính cố kết cộng đồng. Chính những đặc trưng này làm cho tín ngưỡng tôn giáo ở khu vực Nam Bộ có những đặc thù riêng so với những khu vực khác trong cả nước, cũng như trên thế giới.

Trong tiến trình phát triển và hội nhập cùng với ý thức duy trì đời sống tín ngưỡng truyền thống của mình, nhiều tộc người thiểu số đã tiếp nhận

những tín ngưỡng tôn giáo từ nước ngoài ở các mức độ khác nhau. Những tôn giáo mới này đã và đang để lại nhiều hệ lụy về nhiều mặt cho chính các tộc người đó và trên cả bình diện triển khai thực hiện công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Sự phát triển một số tôn giáo mới của người Mông ở vùng cao miền núi phía Bắc là một ví dụ. Năm 1978, một đạo “lạ” được gọi là “Vàng Chứ” bắt đầu du nhập trái phép vào nhóm người Mông ở xã Thắng Lợi, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang và lan dần ra một số tỉnh khác có người Mông sinh sống. Từ đó cho đến nay, Nhà nước, chính quyền các cấp và các tổ chức đoàn thể của hệ thống chính trị từ Trung ương xuống địa phương đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu những hệ lụy xấu, ngăn chặn và đẩy lùi sự gia tăng của “Vàng Chứ”. Tuy nhiên, sự lây lan của “Vàng Chứ” đã không thuyên giảm mà đang có xu hướng gia tăng về số người theo và mở rộng ra các khu vực khác. Cho đến nay, khó có thể đưa ra một con số chính xác, nhưng ước tính có thể là hàng chục nghìn người [12]. Trước tình hình như vậy, Đảng và Nhà nước ta cùng một lúc cần phải giải quyết tốt 2 chính sách Dân tộc và Tôn giáo, thực hiện đoàn kết tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân nhằm đấu tranh chống mọi hành vi lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị.

Những diễn biến của các tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số còn nhiều phức tạp đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải có chính sách tốt để ứng xử. Dù ứng xử theo cách nào thì với bức tranh tôn giáo đa dạng như hiện nay, bên cạnh việc coi tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, chúng ta cũng cần nhìn nhận tôn giáo từ khía cạnh đạo

đức - văn hóa, coi tôn giáo là gốc, là thành tố của văn hóa Việt Nam nhằm phát huy những giá trị tích cực của tôn giáo góp phần điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội hiện đại.

3. Tôn giáo và một số vấn đề khác

** Tôn giáo và vấn đề bảo vệ môi trường*

Tôn giáo không chỉ thể hiện vai trò đối với sự phát triển văn hóa, chính trị hay đạo đức thuộc đời sống tinh thần, mà cả trong phát triển kinh tế - xã hội. Những phân tích đáng chú ý của các tác giả Nguyễn Quang Hưng và Nguyễn Văn Thái nhằm làm rõ vai trò của tôn giáo trong xã hội Việt Nam qua việc bảo vệ môi trường là một trong những minh chứng khẳng định tôn giáo tác động tới mọi mặt đời sống xã hội, chứ không chỉ tác động tới những lĩnh vực văn hóa tinh thần.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu thực địa của nhóm sinh viên Khoa Môi trường, Đại học Bách khoa Hà Nội thực hiện năm 2008 và nhóm sinh viên Khoa Khoa học môi trường của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện năm 2012 để phân tích nạn đốt “vàng mã” như một biến thái trong sinh hoạt tôn giáo gây hại môi trường, các tác giả đưa ra kết luận rằng: trong khi các cơ quan công quyền còn chưa hoàn thiện hệ thống pháp luật, ngay việc tổ chức tuyên truyền cho người dân về vấn đề môi trường cũng chưa làm được bao nhiêu thì các tổ chức tôn giáo đã đi trước một bước trong vấn đề này [9].

Thứ nhất, chức sắc của hầu hết các tôn giáo đều đã đưa vấn đề môi trường thành một trong những nội dung chính trong các thuyết giảng của mình, làm

cho vấn đề gần gũi với thần học hiện đại. Vấn đề môi trường rõ ràng là một trong những vấn đề mà các tôn giáo đi tiên phong trong việc thể hiện vai trò của mình trong xã hội hôm nay.

Thứ hai, việc luận giải vấn đề bảo vệ môi trường, một vấn đề thuần túy của xã hội hiện đại xuất phát từ các cơ sở triết học và thần học từ trong kinh sách cho thấy khả năng diễn giải giáo lý cho phù hợp với hoàn cảnh hiện nay. Đây cũng là một nội dung cho thấy khả năng thích nghi của các tôn giáo đối với xã hội hiện đại.

Thứ ba, các tôn giáo bằng các phương tiện đại chúng, dễ quảng bá, đi vào lòng người, giáo dục cho người dân có ý thức bảo vệ môi trường từ những hành động cụ thể nhất, thiết thực nhất, khơi dậy trách nhiệm xã hội cho mỗi người dân... Không thể giải quyết một vấn đề văn hóa và tôn giáo đi sâu vào người dân đơn thuần bằng các biện pháp hành chính.

** Tôn giáo và vấn đề bình đẳng giới*

Trong xu thế toàn cầu hóa, đa dạng hóa, thế tục hóa là những xu thế chủ đạo của tôn giáo trong bối cảnh xã hội hiện đại, đời sống tôn giáo có nhiều thay đổi. Trước đây, vai trò của người phụ nữ đối với tôn giáo không được đề cao. Ngày nay đã có sự thay đổi rõ rệt ở nhiều góc độ khác nhau. Phụ nữ tham gia và có những đóng góp to lớn vào quá trình đa dạng hóa, thế tục hóa tôn giáo tại Việt Nam. Những phân tích của tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc nhằm chứng minh cho giả thuyết: phụ nữ là những người thúc đẩy quá trình đa dạng hóa, thế tục hóa tôn giáo tại Việt Nam hiện nay, đã tập trung làm rõ một số nội dung [11]:

Một là, vai trò duy trì và phát triển các hoạt động tôn giáo của tín đồ nữ. Trong đó, người phụ nữ đóng vai trò nền tảng trong các hoạt động của chùa chiền, đóng vai trò quan trọng trong quá trình hồi sinh tôn giáo tại Việt Nam. Người phụ nữ cũng là người thúc đẩy quá trình thị trường hóa tôn giáo diễn ra nhanh chóng hơn và tiếp đến, người phụ nữ không có sự đóng góp cho sự phát triển của thần học tôn giáo. Đa phần họ đến với tôn giáo qua thực hiện cúng lễ. Mục đích cuối cùng của sự cúng lễ này là để giải quyết những vấn đề của cuộc sống hiện tại: cầu sức khỏe, bình an, giàu có, thành đạt trong công việc cho bản thân và những người trong gia đình. Họ ít tìm hiểu giáo lý hay các học thuyết tôn giáo.

Đối với các hiện tượng tôn giáo mới, khảo sát cho thấy tín đồ của các hiện tượng tôn giáo mới tại Việt Nam đa phần là phụ nữ. Số lượng người đứng đầu các hiện tượng tôn giáo mới là phụ nữ cũng đông hơn nam giới.

Hai là, vai trò duy trì các hoạt động tâm linh trong gia đình.

Theo phân tích và quan sát của tác giả, trong nhiều gia đình hạt nhân tại Hà Nội hiện nay nói riêng và tại các thành phố nói chung, công việc cúng lễ, chăm lo hương khói được giao phó hoàn toàn cho người phụ nữ, đặc biệt phổ biến trong các gia đình có ban thờ Phật tại gia. Theo tác giả quan sát, có tới 90% số ban thờ Phật tại gia do người phụ nữ thiết lập và cúng lễ hàng ngày.

Ngày nay, trong hệ thống gia đình hạt nhân con cái không ở cùng cha mẹ, anh chị em không sống chung trong ngôi nhà. Nhu cầu cúng giỗ tổ tiên là nhu cầu của mọi thành viên trong gia

đình gồm cả nam và nữ. Nhiều gia đình thành phố hiện nay thực hiện việc cúng giỗ tổ tiên, cha mẹ trong từng gia đình nhỏ, không thực hiện cúng giỗ tập trung tại nhà con trưởng. Cứ như vậy, theo tác giả, trong xu thế phát triển của xã hội hiện đại, việc người phụ nữ đảm trách công việc cúng tế trong gia đình, cúng tế tổ tiên gia đình chồng và gia đình mình tại ngôi nhà chung của hai vợ chồng sẽ trở nên ngày càng phổ biến. Vai trò của người phụ nữ trong công việc tâm linh ngày càng được đề cao.

Đồng tình với quan điểm trên, Linh mục Hà Văn Minh cũng đã có những phân tích về vai trò của người phụ nữ Kitô giáo trong đời sống giáo hội và gia đình. Theo tác giả, thực ra phẩm giá ngang nhau giữa người nam và người nữ đã được trình bày trong Thánh Kinh. Giáo hội luôn đề cao phẩm giá người phụ nữ và đấu tranh chống lại mọi đối xử bất công hay miệt thị phụ nữ. Vai trò người nữ Kitô giáo trong gia đình được thể hiện qua thiên chức làm mẹ và qua vai trò là người truyền giáo. Theo tác giả, với chủ trương giải phóng phụ nữ, đưa người phụ nữ ra khỏi gia đình, tham gia vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội như nam giới, hiện nay, ngày càng nhiều phụ nữ được đưa vào giữ những chức vụ cao cấp trong chính quyền hay trong các công ty, nhưng như thế là người ta lại đang vô tình “chôn cất” thiên chức làm mẹ. Và hậu quả là, xã hội đang ngày càng có thêm nhiều tội phạm là thanh thiếu niên mà nguyên nhân là do người con thiếu vắng sự chăm lo dạy dỗ đúng mực của người mẹ. Đời sống đức tin của con cái cũng lệ thuộc vào người mẹ rất nhiều, vì thế, giáo hội luôn nhờ cậy đến sự dẫn thân của các bà mẹ trong việc chuyển giao

đức tin và giáo dục đức tin cho con cái, nhất là trong thời đại hôm nay, nhằm xây dựng một nhân loại yêu thương và hòa bình, một nhân loại không hận thù và biết tôn trọng sự sống... [10].

Trao đổi về vấn đề này, còn rất nhiều ý kiến trái ngược nhau: có ý kiến phủ nhận hoàn toàn vai trò của người phụ nữ trong việc duy trì các hoạt động tâm linh tại gia đình, cũng có ý kiến cho rằng hiện nay, người duy trì các hoạt động tâm linh trong gia đình chủ yếu vẫn là nam giới. Xu hướng người phụ nữ thực hiện việc cúng lễ, chăm lo hương khói có chăng chỉ phổ biến tại các gia đình hạt nhân và ở thành phố. Mặc dù vậy, các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng: vai trò của người phụ nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội cũng như trong tôn giáo ngày càng tăng lên, bình đẳng giới là điều có thể thực hiện được nhưng những gì thuộc về “thiên chức”, “bổn phận” của người phụ nữ thì dù ở đâu và ở thời đại nào đi chăng nữa cũng khó có thể thay thế được.

CÁC THAM LUẬN ĐƯỢC TRÍCH DẪN

1. Thiện Cẩm: Tôn giáo đóng góp gì cho xã hội.
2. Thiện Cẩm: Doanh nhân dưới góc nhìn thần học Công giáo.
3. Vương Đình Chử: Hội đồng Giám mục Việt Nam với giới trẻ.
4. Trần Văn Đoàn: Đánh giá lại thần học Trung Hoa.
5. Ngô Quốc Đông: Mấy suy nghĩ về Công giáo với dân tộc thời điểm Năm Thánh 2010.
6. Trần Thị Hạnh, Vũ Tuyết Thanh: “Tâm” trong triết học Phật giáo và

giá trị của nó đối với đạo đức trong xã hội Việt Nam hiện nay.

7. Đinh Hồng Hải: Sự biến đổi của tín ngưỡng Di Lặc trong Phật giáo: Từ đáng cứu thế Phật giáo đến các biểu tượng Di Lặc thời Trung đại.
8. Nguyễn Vũ Hảo: Đối thoại liên tôn giáo và những vấn đề đặt ra ở Việt Nam hiện nay.
9. Nguyễn Quang Hưng, Nguyễn Văn Thái: Tôn giáo trong xã hội Việt Nam (qua khảo cứu Phật giáo, tín ngưỡng truyền thống và bảo vệ môi trường).
10. Hà Văn Minh: Vai trò của người phụ nữ Kitô giáo trong đời sống giáo hội và gia đình.
11. Nguyễn Thị Minh Ngọc: Vai trò của phụ nữ Việt Nam với Tôn giáo (nhìn từ góc độ toàn cầu hóa, đa dạng hóa và thế tục hóa tôn giáo Việt Nam đương đại).
12. Phạm Văn Thành: Đời sống tôn giáo mới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn văn hóa và lịch sử tộc người (nghiên cứu trường hợp tộc người Mông).
13. Dương Văn Thịnh: Tìm hiểu về giá trị nhân văn của tín ngưỡng phồn thực ở Việt Nam.
14. Phạm Huy Thông: Ảnh hưởng của văn hóa Việt với đạo Công giáo ở Việt Nam.
15. Kim Chae Young: Về những xung đột mang tính xã hội giữa Phật giáo và Kitô giáo ở Hàn Quốc.